TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 2017

Thi CC Ngoại ngữ CĐR **Phần thi: Nghe, nói**

Ngày thi: 07/5/2017 Ca thi: SÁNG (07h30' -11h00') Phòng: 3B302

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký nhận
1	NN6096	Đỗ Hồng	Anh	25/9/1994	Thái Nguyên	K10 Báo chí			
2	NN6097	Dương Thị Hải	Anh	19/9/1995	Lạng Sơn	K11 Toán			
3	NN6098	Đường Thị Vân	Anh	29/8/1994					
4	NN6099	Hoàng Tuấn	Anh	12/4/1995	Bắc Kạn	K11 TV			
5	NN6100	Lã Thị Vân	Anh	09/8/1995	Thái Bình	K11 Du lịch			
6	NN6101	Nguyễn Thị	Anh	12/4/1994	Lạng Sơn	K11 Luật			
7	NN6102	Nguyễn Thị Lan	Anh	06/5/1994	Thái Bình	K11 CoN Sinh			
8	NN6103	Phùng Thị Ngọc	Ánh	23/6/1994	Bắc Kạn	K11 CTXH			
9	NN6104	Trần Thị	Bích	15/9/1994	Nam Định	K11 Lý			
10	NN6105	Bàn Mùi	Chài	09/10/1995	Cao Bằng	K11 KHQL			
11	NN6106	Bế Mai	Chi	18/10/1995	Thái Nguyên	K11 QLTNMT			
12	NN6107	Nguyễn Thị	Chiêm	05/10/1995	Tuyên Quang	K11 KHQL			
13	NN6108	Lâm Thị	Cơi	26/6/1994	Lạng Sơn	K11 QLTNMT			
14	NN6109	Nguyễn Văn	Công	7/11/1994	Thái Nguyên	K11 KHQL			
15	NN6110	Trần Minh	Công	13/11/1995	Hà Nội	K11 CoN Sinh			
16	NN6111	Vũ Thị	Cương	18/7/1995	Thái Nguyên	K11 Lý			
17	NN6112	Lưu Chí	Cường	13/8/1994	Điện Biên	K11 QLTNMT			
18	NN6113	Lưu Quang	Dần	03/3/1995	Phú Thọ	K11 KHMT			
19	NN6114	Nguyễn Thị	Dằng	14/12/1994	Tuyên Quang	K11 CTXH			
20	NN6115	Lương Thành	Đạt	07/4/1995	Lạng Sơn	K11 Báo chí			
21	NN6116	Hoàng Thị	Diễm	16/9/1995	Bắc Kạn	K11 QLTNMT			

Ngày thi: 07/5/2017 Ca thi: SÁNG (07h30' -11h00') Phòng: 3B302

22	NN6117	Lý Thị	Diễm	26/01/1995	Bắc Kạn	K11 QLTNMT			
23	NN6118	Đào Văn	Điện	10/12/1992	Thái Nguyên	K11 Báo chí			
24	NN6119	Nguyễn Thị	Diệp	34912	Cao Bằng	K11 KHQL			
25	NN6120	Hoàng Thị Bích	Điệp	14/02/1995	Lạng Sơn	K11 Hóa			

Số sinh viên có mặt … Số sinh viên vắng mặt…..Tổng số bài thi…… Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấm thi 2:…….

TRUNG TÂM NN-TH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 2017

Thi CC Ngoại ngữ CĐR **Phần thi: Nghe, nói**

Ngày thi: 07/5/2017 Ca thi: SÁNG (07h30' -11h00') Phòng: 3B202

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký nhận
1	NN6123	Lý Văn	Dục	07/5/1989	Cao Bằng	K7 CoN Sinh			
2	NN6124	Nguyễn Trung	Đức	17/10/1995	Tuyên Quang	K11 KHMTTĐ			
3	NN6125	Nông Thị	Dung	02/10/1994	Lạng Sơn	K11 Địa			
4	NN6126	Đỗ Đình	Dũng	8/9/1995	Thái Nguyên	K11 Hóa			
5	NN6127	Vũ Quang	Dũng	08/01/1995	Quảng Ninh	K11 Báo chí			
6	NN6128	Đỗ Thị	Dương	08/03/1995	Thái Nguyên	K11 KHQL			
7	NN6129	Phạm Quang	Duy	22/5/1995	Nam Định	K11 Sinh			
8	NN6130	Trần Thị	Giang	26/12/1994	Nam Định	K11 KHQL			
9	NN6131	Đinh Văn	Giáp	20/10/1994	Hà Nội	K10 Sử			
10	NN6132	Dương Thanh	Giáp	16/01/1994	Cao Bằng	K11 CTXH			
11	NN6133	Đỗ Thu	Hà	20/5/1963	Hải Phòng	TS tự do			
12	NN6134	Dương Thị	Hà	05/7/1994	Thái Nguyên	K10 Văn			
13	NN6135	Vũ Thị Thu	Hà	25/02/1995	Điện Biên	K11 Sử			
14	NN6136	Đào Duy	Hai	13/7/1995	Hà Nội	K11 Du lịch			
15	NN6137	Hồ Thị	Hải	10/5/1995	Nghệ An	K11 CTXH			
16	NN6138	Bùi Thị	Hằng	15/02/1995	Yên Bái	K11 Lý			
17	NN6139	Nguyễn Thu	Hằng	14/8/1995	Quảng Ninh	K11 QLTNMT			
18	NN6140	Trương Thị Vân	Hằng	17/12/1995	Hà Nội	K11 Sử			

19	NN6141	Vũ Thị	Hằng	16/02/1995	Hưng Yên	K11 CNH			
20	NN6142	Đàm Thị	Hạnh	03/01/1995	Cao Bằng	K11 KHMT			
21	NN6143	Nguyễn Thị	Hạnh	28/12/1994	Thái Nguyên	K10 CTXH			
22	NN6144	Trần Thị	Hạnh	08/3/1993	Thái Nguyên	TS tự do			
23	NN6145	Đinh Quang	Hào	13/12/1994	Thái Nguyên	K11 Lý			
24	NN6146	Hoàng Thúy	Hào	15/8/1994	Lạng Sơn	K11 KHQL			
25	NN6147	Đặng Thị	Hảo	23/02/1994	Hà Nội	K11 KHMT			
26	NN6148	Đinh Thị	Hiền	13/10/1995	Thanh Hóa	K11 Báo chí			

Số sinh viên có mặt … Số sinh viên vắng mặt…..Tổng số bài thi…… Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấm thi 2:…….

TRUNG TÂM NN-TH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 2017

Thi CC Ngoại ngữ CĐR **Phần thi: Nghe, nói**

Ngày thi: 07/5/2017 Ca thi: SÁNG (07h30' -11h00') Phòng: 3B203

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký nhận
1	NN6151	Đào Thị	Hiều	01/4/1995	Hà Nội	K11 Toán			
2	NN6152	Âu Nguyễn Việt	Hoa	09/12/1995	Thái Nguyên	K11 CTXH			
3	NN6153	Đào Thị	Hoa	22/12/1993	Bắc Giang	K10 Văn			
4	NN6154	Đinh Thị Mai	Hoa	24/4/1995	Phú Thọ	K11 Văn			
5	NN6155	Phạm Thanh	Hoa	26/12/1994	Thái Nguyên	K11 KHQL			
6	NN6156	Trần Thị	Hoa	29/5/1993	Cao Bằng	K11 QLTNMT			
7	NN6157	Quách Xuân	Hòa	15/5/1994	Lào Cai	K11 QLTNMT			
8	NN6158	Triệu Thị Thu	Hoài	24/7/1995	Thái Nguyên	K11 Văn			
9	NN6159	Vi Thị Thu	Hoài	23/10/1995	Thanh Hóa	K11 KHQL			
10	NN6160	Nguyễn Văn	Hoàn	07/10/1994	Bắc Giang	K10 KHMT			
11	NN6161	Hoàng Thị	Hoãn	07/6/1995	Hà Giang	K11 Hóa			
12	NN6162	Hoàng Văn	Hồi	23/02/1992	Cao Bằng				
13	NN6163	Lê Thị	Hồi	25/01/1995	Ninh Bình	K11 Du lịch			
14	NN6164	Lê Thị	Hồng	10/7/1994	Thanh Hóa	K11 KHQL			
15	NN6165	Lê Thị	Hồng	10/02/1993	Hà Nội	K11 Lý			
16	NN6166	Phan Thị	Hồng	34737	Hòa Bình	K11 Văn			
17	NN6167	Bùi Thị	Huế	19/3/1994	Tuyên Quang	K11 CoN Sinh			
18	NN6168	Hà Thị	Huế	18/8/1995	Cao Bằng	K11 CTXH			

19	NN6169	Hà Viết	Hùng	21/9/1995	Bắc Giang	K11 Sinh			
20	NN6170	Nguyễn Phi	Hùng	09/7/1993	Thái Nguyên	K10 KHMT			
21	NN6171	Nguyễn Văn	Hùng	29/9/1995	Bắc Ninh	K11 CoN Sinh			
22	NN6172	Phạm Duy	Hùng	20/8/1995	Thái Nguyên	K11 KHQL			
23	NN6173	Hà Văn	Hưng	05/02/1991	Lạng Sơn	K7 Toán			

Số sinh viên có mặt … Số sinh viên vắng mặt…..Tổng số bài thi…… Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấm thi 2:…….

TRUNG TÂM NN-TH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 2017

Thi CC Ngoại ngữ CĐR **Phần thi: Nghe, nói**

Ngày thi: 07/5/2017 Ca thi: SÁNG (07h30' -11h00') Phòng: 3B203

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký nhận
1	NN6176	Vũ Thị	Hường	16/02/1995	Thái Nguyên	K11 KHQL			
2	NN6177	Trần Văn	Huy	02/9/1994	Thái Bình	K11 CoN Sinh			
3	NN6178	Nông Thị	Huyến	12/6/1993	Bắc Kạn	K11 VNH			
4	NN6179	Lê Thị	Huyền	30/8/1994	Quảng Ninh	K11 Hóa			
5	NN6180	Lê Thị Minh	Huyền	09/9/1994	Cao Bằng	K11 VNH			
6	NN6181	Lương Thanh	Huyền	31/7/1995	Hà Nội	K11 Hóa			
7	NN6182	Nguyễn Thị	Huyền	15/11/1995	Thái Nguyên	K11 KHMT			
8	NN6183	Phạm Thị	Huyền	07/01/1995	Nam Định	K11 Văn			
9	NN6184	Hoàng Thị	Khánh	11/8/1995	Bắc Giang	K11 VNH			
10	NN6185	Dương Văn	Khôi	09/08/1993	Thái Nguyên	K10 Văn			
11	NN6186	Phạm Thị	Khương	08/5/1995	Thái Bình	K11 KHMT			
12	NN6187	Đặng Đình	Kiên	07/06/1994	Hưng Yên	K11 Báo chí			
13	NN6188	Mạc Văn	Kiến	02/7/1994	Bắc Kạn	K11 QLTNMT			
14	NN6189	Hoàng Thị	Kiều	10/3/1995	Cao Bằng	K11 Luật			
15	NN6190	Nguyễn Duy	Lâm	09/02/1992	Thái Nguyên	TS tự do			
16	NN6191	Nguyễn Tùng	Lâm	30/12/1993	Hà Nội	K11 Báo chí			
17	NN6192	Đàm Thị	Lan	08/5/1994	Lạng Sơn	K10 KHQL			
18	NN6193	Nguyễn Thị	Lâng	13/11/1995	Hà Giang	K11 Báo chí			

19	NN6194	La Nhật	Lệ	17/9/1994	Tuyên Quang	K11 KHQL			
20	NN6195	Lê Vũ Nhật	Lệ	25/12/1995	Yên Bái	K11 Báo chí			
21	NN6196	Trần Thị	Liêm	13/8/1995	Thái Nguyên	K11 Toán			
22	NN6197	Hoàng Thị Hương	Liên	23/4/1993	Thái Nguyên	K11 KHMT			
23	NN6198	Hoàng Thị Út	Liên	03/02/1993	Hà Giang	K9 Sinh			
24	NN6199	Nguyễn Thị	Liên	02/9/1995	Thanh Hóa	K11 CoN Hóa			
25	NN6200	Nguyễn Văn	Liên	29/01/1994	Thái Nguyên	K11 KHQL			

Số sinh viên có mặt … Số sinh viên vắng mặt…..Tổng số bài thi…… Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấm thi 2:…….

TRUNG TÂM NN-TH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 2017

Thi CC Ngoại ngữ CĐR **Phần thi: Nghe, nói**

Ngày thi: 07/5/2017 Ca thi: SÁNG (07h30' -11h00') Phòng: 3B302

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký nhận
1	NN6203	Maã Thùy	Linh	02/6/1995	Cao Bằng	K11 Sử			
2	NN6204	Nguyễn Thị Phương	Linh	17/9/1995	Hà Nam	K11 CN Sinh			
3	NN6205	Cao Thị Thanh	Loan	10/4/1995	Quảng Ninh	K11 CoN Sinh			
4	NN6206	Giàng Thiên	Long	15/06/1994	Lào Cai	K11 KHQL			
5	NN6207	Nguyễn Bá	Long	26/7/1994	Hà Nội	K11 Toán			
6	NN6208	Đào Thị	Luyến	30/7/1995	Vĩnh Phúc	K11 KHMT			
7	NN6209	Đoàn Thị Cẩm	Ly	15/6/1995	Thái Nguyên	K11 Báo chí			
8	NN6210	Ngô Thị	Mai	06/02/1995	Thái Nguyên	K11 CN Sinh			
9	NN6211	Nguyễn Thị	Mai	06/8/1995	Hòa Bình	K11 KHQL			
10	NN6212	Vàng Thị	Mai	15/6/1995	Điện Biên	K11 Địa			
11	NN6213	Thèn Thị	Mẩy	02/11/1994	Hà Giang	K11 CTXH			
12	NN6214	Vàng Thị	Mến	09/3/1994	Lai Châu	K10 KHQL			
13	NN6215	Lù Thị	Minh	25/12/1995	Sơn La	K11 KHQL			
14	NN6216	Nguyễn Hồng	Minh	28/02/1995	Bắc Kạn	K11 Hóa			
15	NN6217	Phạm Thị	Minh	28/8/1994	Nghệ An	K11 CoN Sinh			
16	NN6218	Lò Thị	Mua	02/11/1994	Hà Giang	K10 Báo chí			
17	NN6219	Hoàng Thị	Mỹ	03/6/1995	Bắc Kạn	K11 VNH			
18	NN6220	Ma Thị	Nái	01/12/1993	Bắc Kạn	K11 QLTNMT			

19	NN6221	Nguyễn Thành	Nam	6/7/1994	Vĩnh Phúc	K10 CoN Sinh			
20	NN6222	Nông Ngọc	Nam	08/6/1994	Cao Bằng	K11 QLTNMT			
21	NN6223	Phạm Nguyễn Phươn	Nam	17/10/1995	Hà Nội	K11 Báo chí			
22	NN6224	Tống Trần	Năm	10/01/1995	Thái Nguyên	K11 KHQL			
23	NN6225	Bàn Thị	Nga	21/9/1993	Bắc Kạn	K9 KHMT			
24	NN6226	Nguyễn Thị	Nga	08/11/1995	Tuyên Quang	K11 CTXH			
25	NN6227	Nông Nguyệt	Nga	14/3/1994	Cao Bằng	K11 Thư viện			
26	NN6228	Tô Thị	Nga	03/03/1994	Cao Bằng	K11 Thư viện			

Số sinh viên có mặt … Số sinh viên vắng mặt…..Tổng số bài thi…… Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấm thi 2:…….

TRUNG TÂM NN-TH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 2017

Thi CC Ngoại ngữ CĐR **Phần thi: Nghe, nói**

Ngày thi: 07/5/2017 Ca thi: SÁNG (07h30' -11h00') Phòng: 3B302

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký nhận
1	NN6231	Bùi Thị Bích	Ngọc	22/9/1995	Thái Nguyên	K11 KHMT			
2	NN6232	Dương Hồng	Ngọc	13/11/1994	Phú Thọ	K11 CTXH			
3	NN6233	Nguyễn Thị	Ngọc	01/6/1995	Bắc Giang	K11 KHMT			
4	NN6234	Phạm Thị	Ngọc	19/3/1994	Quảng Ninh	K11 VNH			
5	NN6235	Phan Thị	Ngọc	09/11/1995	Sơn La	K11 KHMT			
6	NN6236	Triệu Bích	Ngọc	22/10/1994	Bắc Kạn	K11 QLTNMT			
7	NN6237	Hoàng Mạnh	Nhất	12/7/1993	Lạng Sơn	K9 KHMT			
8	NN6238	Phùng Văn	Nhất	19/02/1994	Bắc Kạn	K11 QLTNMT			
9	NN6239	Lầu A	Nhìa	10/10/1995	Điện Biên	K11 KHQL			
10	NN6240	Võ Thị	Nhiên	21/2/1995	Đăk Lăk	K11 Báo chí			
11	NN6241	Hoàng Thị Hoài	Như	26/11/1994	Cao Bằng	K11 QLTNMT			
12	NN6242	Trần Thị	Như	26/02/1995	Quảng Ninh	K11 TV			
13	NN6243	Bàn Thị	Nhung	03/6/1995	Yên Bái	K11 CTXH			
14	NN6244	Lê Thị Yến	Nhung	08/10/1995	Nghệ An	K11 CoN Sinh			
15	NN6245	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	24/10/1995	Phú Thọ	K11 Hóa			
16	NN6246	Trần Thị	Nhung	17/01/1995	Hà Tĩnh	K11 Sử			
17	NN6247	Dương Thị	Ninh	24/3/1993	Thái Nguyên	VNH			
18	NN6248	Nguyễn Thị	Ninh	19/4/1995	Tuyên Quang	K11 Lý			

19	NN6249	Nông Kim	Oanh	09/8/1995	Lạng Sơn	K11 QLTNMT			
20	NN6250	Nguyễn Thanh	Phong	01/02/1995	Thái Nguyên	K11 QLTNMT			
21	NN6251	Trương Hải	Phong	01/10/1994	Thái Nguyên	K10 Sử			
22	NN6252	Phạm Văn	Phú	21/6/1995	Quảng Ninh	K11 Sinh			
23	NN6253	Lường Thị	Phùng	08/02/1994	Bắc Kạn	K11 Thư viện			

Số sinh viên có mặt … Số sinh viên vắng mặt…..Tổng số bài thi…… Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấm thi 2:…….

TRUNG TÂM NN-TH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 2017

Thi CC Ngoại ngữ CĐR **Phần thi: Nghe, nói**

Ngày thi: 07/5/2017 Ca thi: SÁNG (07h30' -11h00') Phòng: 3B303

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký nhận
1	NN6256	Lê Thị Hoài	Phương	21/8/1995	Thái Nguyên	K11 Sinh			
2	NN6257	Lý Thị Minh	Phương	22/3/1994	Bắc Thái	K10 Báo chí			
3	NN6258	Nguyễn Thị	Phương	27/10/1995	Hòa Bình	K11 Lý			
4	NN6259	Nguyễn Thu	Phương	01/9/1994	Thái Nguyên	K10 Du lịch			
5	NN6260	Thào Thị	Phương	10/11/1994	Lào Cai	K11 CTXH			
6	NN6261	Hoàng Vinh	Quang	12/6/1995	Nghệ An	K11 QLTNMT			
7	NN6262	Văn Thị	Quỳnh	01/02/1995	Bắc Kạn	K11 KHQL			
8	NN6263	Triệu Thị	Sao	03/11/1995	Bắc Kạn	K11 KHQL			
9	NN6264	Tống Văn	Sơn	05/8/1994	Ninh Bình	K10 Hóa			
10	NN6265	Hoàng Văn	Sự	18/8/1994	Lạng Sơn	K11 Du lịch			
11	NN6266	Vàng A	Sung	14/7/1993	Lào Cai	K11 KHQL			
12	NN6267	Triệu Thị	Thầm	23/12/1992	Bắc Kạn	K11 TV			
13	NN6268	Hà Thị Hồng	Thắm	08/04/1994	Cao Bằng	K11 KHQL			
14	NN6269	Hứa Văn	Thanh	20/3/1992	Bắc Kạn	K10 Hóa			
15	NN6270	Nguyễn Thị	Thanh	27/12/1995	Nam Định	K11 QLTNMT			
16	NN6271	Cao Thị	Thảo	15/3/1994					
17	NN6272	Lài Thị	Thảo	25/12/1995	Bắc Kạn	K11 QLTNMT			
18	NN6273	Nguyễn Phương	Thảo	22/8/1995	Hà Nội	K11 Hóa			

19	NN6274	Nguyễn Thị	Thảo	12/8/1994	Quảng Ninh	K11 Báo chí			
20	NN6275	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	25/8/1995	Hà Nội	K11 CoN Sinh			
21	NN6276	Nguyễn Thị Thu	Thảo	28/3/1995	Thái Nguyên	K11 Hóa			
22	NN6277	Phạm Thị Phương	Thảo	06/9/1994	Quảng Ninh	K11 Sinh			
23	NN6278	Lộc Văn	Thiện	19/12/1992	Lạng Sơn	TS tự do			
24	NN6279	Bạc Cầm	Thiết	14/11/1995	Sơn La	K11 Luật			

Số sinh viên có mặt … Số sinh viên vắng mặt…..Tổng số bài thi…… Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấm thi 2:…….

TRUNG TÂM NN-TH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 2017

Thi CC Ngoại ngữ CĐR **Phần thi: Nghe, nói**

Ngày thi: 07/5/2017 Ca thi: SÁNG (07h30' -11h00') Phòng: 3B303

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký nhận
1	NN6283	Nông Thị	Thư	15/12/1994	Bắc Kạn	K11 KHQL			
2	NN6284	Đào Ngọc	Thuần	6/12/1994	Lai Châu	K11 TV			
3	NN6285	Hoàng Thị	Thuần	15/6/1994	Lạng Sơn	K11 KHQL			
4	NN6286	Đỗ Công	Thuận	12/11/1995	Bắc Ninh	K11 CoN Sinh			
5	NN6287	Nguyễn Văn	Thuận	27/7/1993	Thanh Hóa	K11 CoN Sinh			
6	NN6288	Nguyễn Thị	Thúy	13/8/1990	Thái Nguyên	K9 Toán tin			
7	NN6289	Đinh Thị	Thủy	05/4/1995	Thái Nguyên	K11 Sử			
8	NN6290	Lê Thị	Thủy	17/8/1995	Thái Nguyên	K11 Văn			
9	NN6291	Bùi Văn	Tiến	12/8/1993	Hòa Bình	K11 QLTNMT			
10	NN6292	Nguyễn Khắc	Tiến	06/8/1995	Thái Nguyên	K11 Địa			
11	NN6293	Hoàng Thị Huyền	Trang	13/8/1995	Lạng Sơn	K11 KHQL			
12	NN6294	Lê Thị Huyền	Trang	26/9/1994	Ninh Bình	K11 VNH			
13	NN6295	Lương Thị Kiều	Trang	03/7/1995	Quảng Ninh	K11 Sinh			
14	NN6296	Lường Thị Thu	Trang	25/6/1995	Bắc Kạn	K11 Lý			
15	NN6297	Ngô Huyền	Trang	28/01/1995	Thái Nguyên	K11 Báo chí			
16	NN6298	Nguyễn Hoàng	Trang	08/8/1995	Bắc Kạn	K11 QLTNMT			
17	NN6299	Nông Thị	Trang	20/9/1995	Bắc Kạn	K11 QLTNMT			
18	NN6300	Phạm Minh	Trang	30/11/1994	Lai Châu	K11 Báo chí			

19	NN6301	Quách Thị Thu	Trang	16/6/1995	Hòa Bình	K11 Văn			
20	NN6302	Trần Thị Huyền	Trang	29/03/1995	Thái Nguyên	K11 KHQL			
21	NN6303	Vũ Thu	Trang	09/8/1995	Quảng Ninh	K11 Sinh			
22	NN6304	Ma Quang	Triệu	11/02/1992	Thái Nguyên	K8 sinh học			
23	NN6305	Cao Hữu	Trọng	24/6/1994	Nghệ An	K11 QLTNMT			
24	NN6306	Nguyễn Văn	Trọng	11/9/1995	Thái Nguyên	K11 CoN Sinh			
25	NN6307	Triệu Thanh	Trực	23/10/1995	Tuyên Quang	K11 KHQL			

Số sinh viên có mặt … Số sinh viên vắng mặt…..Tổng số bài thi…… Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấm thi 2:…….

TRUNG TÂM NN-TH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 2017

Thi CC Ngoại ngữ CĐR **Phần thi: Nghe, nói**

Ngày thi: 07/5/2017 Ca thi: SÁNG (07h30' -11h00') Phòng: 3B304

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký nhận
1	NN6311	Vừ A	Tư	15/8/1995	Lào Cai	K11 Du lịch			
2	NN6312	Đinh Công	Tuất	23/8/1994	Quảng Ninh	K11 KHQL			
3	NN6313	Nguyễn Thanh	Tùng	25/8/1995	Quảng Ninh	K11 Hóa			
4	NN6314	Vũ Thanh	Tùng	09/12/1992	Thái Nguyên	K11 Du lịch			
5	NN6315	Trương Thị	Tươi		Hà Nam	K11 Hóa			
6	NN6316	Đinh Thị	Tuyến	06/9/1995	Cao Bằng	K11 Văn			
7	NN6317	Phạm Văn	Tuyến	30/11/1994	Lạng Sơn	K11 Hóa			
8	NN6318	Hứa Thị	Tuyền	20/5/1994	Lạng Sơn	K11 Báo chí			
9	NN6319	Phạm Thị	Tuyết	04/7/1995	Lào Cai	K11 KHMT			
10	NN6320	Liêu Thị Bé	Út	20/4/1995	Bắc Kạn	K11 QLTNMT			
11	NN6321	Trần Thị Thu	Uyên	08/3/1995	Hà Nội	K11 Hóa			
12	NN6322	Bùi Thị Ánh	Vân	15/10/1995	Vĩnh Phúc	K11 CNKTHH			
13	NN6323	Trần Văn	Vang	27/12/1992	Thái Nguyên	K11 CTXH			
14	NN6324	Dương Thị	Vi	17/10/1994		K10 KHQL			
15	NN6325	Đỗ Văn	Việt	35003	Thái Bình	K11 CN Hóa			
16	NN6326	Sầm Thị Khánh	Vinh	24/01/1995	Bắc Kạn	K11 Sử			
17	NN6327	Hoàng Thị	Vui	17/4/1995	Bắc Giang	K11 CNH			
18	NN6328	Hoàng Văn	Vượng	12/9/1993	Bắc Giang	K11 KHQL			

19	NN6329	Vi Thị	Xoan	30/3/1995	Thanh Hóa	K11 CTXH			
20	NN6330	Tráng Seo	Xoang	01/7/1993	Lai Châu	KHQL			
21	NN6331	Nịnh Thị	Yên	24/11/1995	Thái Nguyên	K11 QLTNMT			
22	NN6332	Đỗ Thị	Yến	04/5/1994	Thái Nguyên	K10 Văn			
23	NN6333	Nguyễn Hoàng	Yến	29/9/1995	Lạng Sơn	K11 Thư viện			

Số sinh viên có mặt … Số sinh viên vắng mặt…..Tổng số bài thi…… Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấm thi 2:…….

TRUNG TÂM NN-TH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 2017

Thi CC Ngoại ngữ CĐR **Phần thi: Nghe, nói**

Ngày thi: 07/5/2017 Ca thi: SÁNG (07h30' -11h00') Phòng: 3B304

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký nhận
1	NN6121	Lê Thị Hồ	Điệp	30/11/1994	Thái Nguyên	K10 CTXH			
2	NN6122	Ngạc Thị	Diệu	28/02/1995	Cao Bằng	K11 CoN Sinh			
3	NN6149	Nguyễn Thị	Hiền	26/12/1995	Hà Nội	K11 Văn			
4	NN6150	Nguyễn Văn	Hiệp	18/8/1995	Thái Nguyên	K11 Báo chí			
5	NN6174	Hoàng Thị	Hương	01/3/1995	Yên Bái	K11 Toán			
6	NN6175	Trần Thị	Hương	17/11/1995	Thái Nguyên	K11 VNH			
7	NN6201	Tạ Thị	Liễu	25/3/1994	Thái Nguyên	K10 KHQL			
8	NN6202	Đỗ Thị Thúy	Linh	08/11/1993	Vĩnh Phúc	K11 KHMT-TĐ			
9	NN6229	Nguyễn Đình Hải	Ngân	16/5/1994	Hà Nội	K11 Lý			
10	NN6230	Bùi Thúy	Ngần	14/8/1992	Thái Nguyên	K8 Văn			
11	NN6254	Nguyễn Thu	Phước	05/10/1995	Lai Châu	K11 Địa			
12	NN6255	Dương Thảo	Phương	14/4/1995	Thái Nguyên	K11 Du lịch			
13	NN6280	Hoàng Văn	Thông	08/12/1994	Thái Nguyên	K11 CoN Hóa			
14	NN6281	Chu Thị	Thu	20/01/1994	Thái Nguyên	K10 KHQL			
15	NN6282	Triệu Thị	Thu	26/9/1995	Thái Nguyên	K11 CTXH			
16	NN6308	Hà Đình	Trung	14/3/1995	Hà Nam	K11 CoN Sinh			
17	NN6309	La Hoàng	Tú	23/12/1994	Bắc Kạn	QLTNMT			
18	NN6310	Ngô Thị	Tư	8/8/1995	Hà Nam	K11 Du lịch			

19	NN6334	Phạm Hải	Yến	10/02/1995	Tuyên Quang	K11 KHQL			
20	NN6335	Tường Thị Hải	Yến	21/02/1994	Hưng Yên	K11 Toán			

Số sinh viên có mặt … Số sinh viên vắng mặt…..Tổng số bài thi…… Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấm thi 2:…….

TRUNG TÂM NN-TH